

Bản án số: **328/2024/DS-PT**  
Ngày 23 - 8 - 2024  
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại, đòi  
lại tài sản, hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông **Ninh Quang Thế**

**Các Thẩm phán:** Ông **Nguyễn Thành Lập**  
Ông **Đặng Minh Trung**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Ngô Thuý Nguyên** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông **Bùi Trung Biền** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp bồi thường thiệt hại, đòi lại tài sản và hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 89/2024/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 189/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Trương Thanh Q**, sinh năm 1968; Địa chỉ cư trú: **Số A, đường N, khóm A, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau** (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông **Bùi Minh Ú**, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: **Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau** (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà **Bùi Thị Á**, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: **Số A, đường N, khóm A, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau**.

- **Người kháng cáo:** Ông **Trương Thanh Q** là nguyên đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Ông **Trương Thanh Q** trình bày: Ông **Bùi Minh Ú** là em vợ của ông, ông **Ú** có trách nhiệm nuôi mẹ ruột là cụ **Trương Thị N** đồng thời là mẹ vợ ông, ông **Ú** và

ông có thỏa thuận giao trách nhiệm cho ông nuôi mẹ, ông **Ú** về sẽ trả cho ông 4.0000.000 đồng mỗi tháng. Ngày 20/3/2023, vương không có hoa lợi nên bà **N** kêu ông cải tạo vương thả sò và tôm giống. Ngoài ra ông **Ú** còn mượn tiền của ông nhiều lần, trong đó có tiền chuộc vương và mượn chiếc lắc vàng 18k, trọng lượng 10 chỉ. Nay ông yêu cầu ông **Ú** trả lại số tiền 261.900.000 đồng và 10 chỉ vàng 18k, cụ thể: Tiền nuôi mẹ là cụ **Trương Thị N** 4.000.000 đồng/tháng x 10 tháng = 40.000.000 đồng; Tiền thuê xăng cuộc cải tạo vương 23.000.000 đồng; **T** thả sò giống 42.000.000 đồng; **T** thả tôm giống 6.900.000 đồng; **T** mượn nhiều lần 150.000.000 đồng (trong đó có tiền mượn chuộc vương 50.000.000 đồng); 10 chỉ vàng 18k, toàn bộ chi phí xuất ra và tiền vàng cho mượn đều là tiền riêng của ông. Tiền vàng cho mượn đều không làm biên nhận, đến ngày 02/5/2023 ông **Ú** có ký biên nhận tổng chốt lại số nợ này cho ông. Ngoài những yêu cầu trên ông **Q** không còn yêu cầu nào khác.

\* Ông **Bùi Minh Ú** trình bày: Ông và ông **Q** không có thỏa thuận gì về việc nuôi mẹ, cũng như việc ông **Q** vào cải tạo vương, thả tôm và sò giống. Đối với việc mượn tiền vàng ông cũng không mượn. Biên nhận ông **Q** cung cấp ngày 02/5/2023 không phải chữ ký tên của ông.

Đối với phần đất tại ấp **T**, xã **T** ông **Ú** xác định đất này do ông trực tiếp nhận chuyển nhượng của ông **Trịnh Hoàng N1** chứ không phải đất của mẹ ông, hiện tại đất chưa sang tên quyền sử dụng, vẫn còn đứng tên ông **N1**, diện tích đất 12 công lớn. Đất này do ông trực tiếp canh tác nuôi mẹ là cụ **Trương Thị N**, do cuộc sống khó khăn nên vợ chồng ông đi làm ở Đồng Nai, khi đi có mẹ đi theo. Đến khoảng tháng 8-9/2022, do bà **Bùi Thị Á** là chị ruột của ông không có chỗ ở nên có nói cho bà **Á** về ở canh tác đất nuôi mẹ, thấy chị ruột không có chỗ ở nên ông đồng ý, ngoài ra thì không có thỏa thuận nào khác. Khi bà **Á** về ở thì đến khoảng tháng 07/2023 ông nghe tin bà **Á** đối xử không tốt với mẹ nên ông về lấy đất lại để canh tác từ tháng 07/2023. Ông xác định ông **Q** có cải tạo bằng xăng cuộc còn mức độ bao nhiêu thì ông không rõ, còn việc ông **Q** khai có thả tôm, sò giống là không có.

\* Bà **Bùi Thị Á** trình bày: Bà xác định số tiền vàng mà **Ú** nợ là của ông **Q** và là tài sản riêng của ông **Q**, không phải của bà.

*Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2024/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành huyện Đầm Dơi đã quyết định:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Trương Thanh Q**.
- 1.1. Buộc ông **Bùi Minh Ú** có nghĩa vụ trả cho ông **Trương Thanh Q** số tiền cải tạo vương tôm 23.000.000 đồng (hai mươi ba triệu đồng).
- 1.2. Buộc ông **Bùi Minh Ú** có nghĩa vụ trả cho ông **Trương Thanh Q** 10 chỉ vàng 18k (mười chỉ vàng mười tám kara).
- 1.3. Buộc ông **Bùi Minh Ú** trả cho ông **Trương Thanh Q** số tiền thiệt hại sò giống, tôm giống là 23.900.000 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong đối với tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành

án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Trương Thanh Q** các khoản sau:

2.1. Về việc buộc ông **Bùi Minh Ú** trả số tiền nuôi dưỡng cụ **Trương Thị N** là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

2.2. Về việc buộc ông **Bùi Minh Ú** trả số tiền mượn 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

2.3. Về việc buộc ông **Bùi Minh Ú** trả số tiền số tiền thiệt hại sò giống, tôm giống là 23.900.000 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/4/2024, ông **Q** kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên toà phúc thẩm ông **Q** không cung cấp thêm chứng cứ gì mới và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, kiến nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông **Q**, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 89/2024/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông **Q** về số tiền giống sò, tôm, không chấp nhận số tiền nuôi mẹ và tiền mượn 150.000.000đ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hình thức, về nội dung và thời hạn kháng cáo ông **Q** thực hiện đúng quy định tại các điều 272,273 BLTTDS, được HĐXX xem xét yêu cầu kháng cáo theo trình tự phúc thẩm. Về thẩm quyền, cấp sơ thẩm xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý giải quyết đúng quy định tại Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với ông **Ú** đã được Toà án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập của Toà án nhưng vắng mặt không lý do nên theo quy định tại điều 227,228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt ông.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông **Q**:

- Đối với số tiền nuôi mẹ là bà **Trương Thị N**: Ông **Q** là con rể, ông **Ú**, bà **A** là con ruột của bà **N**, tựu chung tất cả đều là con và đều phải có nghĩa vụ nuôi và phụng dưỡng mẹ già, nghĩa vụ này không chỉ được pháp luật quy định, mà về đạo đức con người, phong tục tập quán thì con cái cũng phải nuôi cha, mẹ khi về già, hơn nữa nêu ông **Q** và ông **Ú** có thoả thuận ông **Ú** gởi tiền nuôi mẹ thì việc này anh em cũng chỉ là hỗ trợ cùng có trách nhiệm nuôi mẹ, thực tế ông **Ú**, bà **ảnh** đã nuôi mẹ mà không có sự trợ giúp của ông **Ú**, mặt khác bà **N** cũng được nhà nước trợ cấp

hàng tháng 720.000đ, ông Q, bà A là người nhận khoản tiền này, do đó kháng cáo của ông Q đối với số tiền này không được chấp nhận.

- Đối với khoản tiền mua sò, tôm giống: Số tiền này cấp sơ thẩm xác định ông Q đã bỏ ra là 47.800.000đ, thời gian thả sò từ tháng 5/2023 đến tháng 07/2023, thả tôm từ tháng 04/2023 đến tháng 07/2023, khi ông U nhận lại vuông cả S và T1 đều chưa đến thời gian thu hoạch, ông U tiếp quản vuông và thu hoạch toàn bộ, nên ông U có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ chi phí mua Sò và Tôm giống cho ông Q, cấp sơ thẩm cho rằng việc chăn nuôi là có rủi ro và chia đôi số tiền con giống là không phù hợp, nên HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông Q buộc ông U hoàn trả cho ông Q toàn bộ số tiền con giống là phù hợp.

- Đối với khoản tiền mượn 150.000.000đ: Ông Q cung cấp cho Tòa án một biên nhận của ông U ngày 05/5/2023 (BL 22) thể hiện ông U có nợ ông 150.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 18k, tuy nhiên ông U không thừa nhận nợ ông Quân số tiền này và không thừa nhận chữ ký trong biên nhận mà ông Q cung cấp là của ông, theo yêu cầu của ông Q Tòa án đã quyết định trưng cầu giám định chữ ký trong biên nhận, nhưng cơ quan giám định trả lời không đủ căn cứ giám định, ngoài ra ông Q còn cung cấp một USB có cuộc nói chuyện giữa ông U, bà A vợ ông Q và Diễm K đã được biên dịch BL61, qua xem xét bản dịch cũng không có chỗ nào ông U thừa nhận có mượn ông Q 150.000.000đ, tại phiên tòa sơ thẩm ông Q khai ông đã kêu ông U viết biên nhận nợ nhiều lần nhưng ông U không viết, nên ông đánh máy sẵn cho ông U ký, khi đưa ký ông U xin nên không biết có nhớ hay không vì sáng mai ông U đi luôn, vì vậy chưa có đủ cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Q về số tiền này .

Quan điểm của đại diện VKS tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX.

[2] Do chấp nhận kháng cáo nên ông Q không phải chịu án phí phúc thẩm.

[3] Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị HĐXX không xem xét đến.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2, Điều 308; 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trương Thanh Q. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 89/2024/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi. *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thanh Q. Buộc ông Bùi Minh U có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trương Thanh Q 10 chỉ vàng 18kara và số tiền 70.800.000đ (trong đó gồm 23.000.000 đồng tiền cải tạo vuông, 47.800.000đ tiền Sò, T1 giống).

Kể từ ngày ông Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng ông U còn phải chịu thêm khoản lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thanh Q kiện đòi ông Bùi Minh U trả số tiền nuôi dưỡng cụ Trương Thị N và tiền mượn tổng cộng là 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng).

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông U phải chịu 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Ông Q phải chịu 9.500.000đ (chín triệu năm trăm ngàn đồng), ngày 12/10/2023 ông đã nộp tạm ứng số tiền 3.452.000 đồng, theo lai thu số 0556 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được đối trừ, ông Q phải nộp tiếp 6.048.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm ông Q không phải chịu, ngày 10/4/2024 ông đã nộp 300.000 đồng, tại lai thu số 1015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được hoàn lại.

4. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hiệu kháng cáo kháng nghị.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ninh Quang Thế**